

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐBT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/12/2020

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P2+BK16+GTCl	7:25	22+0+0	0+0+0		8+7+7	0+0+0	
2		TD1+P8	7:25	21+1	0+0		20+2	0+0	
3		BK9+TD3+BK6	7:25	4+17+1	0+0+0		0+17+1	0+0+0	
4		TTCl+P4+P5	7:25	4+18+0	0+0+0		0+16+6	0+0+0	
5		TD1+CLO	9:25	10+12	0+0		4+15	0+0	
6		RC5+RP3	9:25	4+3+14	0+0+0		3+5+14	0+0+0	RC4-XAY LAP HUY
7		TD3+RP3	9:25	12+10	0+0		3+14	0+0	
8		P2+BK5+BK4	11:25	19+3+0	0+0+0		18+1+0	0+0+0	Chuyen 3 BK5-Bk4
9		CTK3+P2	11:25	11+11	0+0		5+14	0+0	
10		PVD2+P4	11:25	5+17	0+0		0+12	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
l/ đi về trong ngày P2-Sng, TD1-1 DVL

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/12/2020	TO: P2 - BK16 - GTC1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: QViệt - Linh - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	P2	53	1	5		74	D-HANH	Vietnamese
2	ĐAM XUÂN DUY	P2	57	1	5		78	D-HANH	Vietnamese
3	GALLIAMOV	P2	47	1	5		74	KH-THAC	Russian
4	SKOROBOGATKO I.I.	P2	51	1	5	60	93	KH-THAC	Russian
5	NGUYEN QUANG THANG	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
6	OKOVANSEV G.P	P2	53-54	2	17		120	KHI	Russian
7	TRẦN SƠN TOÀN	P2	52	1	5		72	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NAM	P2	45	1	5		80	KHI	Vietnamese
9	LÊ ĐỨC THANG	P2	44	1	5		80	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐỨC LAM	P2	48	1	5		78	KHI	Vietnamese
11	TRỊNH VĂN CƯỜNG	P2	64	1	5		68	KHI	Vietnamese
12	PHẠM TÀI	P2	46	1	5		75	KHI	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC HÙNG	P2	49	1	5		52	KHI	Vietnamese
14	ĐỖ VĂN TUÂN	P2	55	1	5		70	KHI	Vietnamese
15	TRẦN HUYNH ANH PHONG	P2	63	1	5		65	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH HOANG	P2	43	1	5		70	KHI	Vietnamese
17	LUƠNG MẠNH DƯƠNG	P2	50	1	5		63	KHI	Vietnamese
18	VO VAN QUYEN	P2	69	1	5		72	KHI	Vietnamese
19	LE TRUNG LAN	P2	62	1	3		79	KHI	Vietnamese
20	TRẦN VĂN LINH	P2					76	NIPI	Vietnamese
21	NHAM ĐIỆN BIÊN	P2					67	NIPI	Vietnamese
22	PHAN TẤT THANG	P2	61	1	5		66	YTE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	20	105	1.637	60	8		
2	BK16	0	0	0	0	30	7		
3	GTC1	0	0	0	0	20	7		
TOTAL		22	20	105	1.637	110	22		
WEIGHT KG				105	1.637	110			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

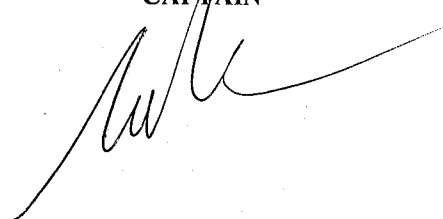
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 2	TO: TD1 - P8	CREW: Vận - VLin - THU	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	FOK S.I	TD1	57	1	6	20	130	DIEUHANI	Russian
2	SHERBAKOV	TD1	56	1	6		95	KHOAN	Russian
3	UVAISHOV A.X	TD1	52	1	2		104	KHOAN	Russian
4	STESHIN V.B	TD1	55	1	10		158	KHOAN	Russian
5	ĐOAN MINH TUÂN	TD1	60	1	11		61	CODIEN	Vietnamese
6	HỒ CHIẾN THẮNG	TD1	59	1	6		60	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN DỪNG	TD1	53	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ BA PHƯƠNG	TD1	66	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN DANH QUY	TD1					70	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN VIỆT HÙNG	TD1	63	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN MINH SƠN	TD1					78	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ VĂN NGUYỄN	TD1	64	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN TIỀN	TD1	62	1	4		84	KHOAN	Vietnamese
14	MAI ANH TUÂN	TD1	70	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
15	TRINH CAO TRỌNG	TD1	54	1	2		74	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ MẠNH HAI	TD1	58	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUÝ	TD1	67	1	4		67	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LĂNG	TD1					79	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN GIN	TD1	65	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
20	LƯU VĂN DÂN	TD1	61	1	11		65	CODIEN	Vietnamese
21	OZERROV V	TD1	51	1	4		89	DVL	Russian
22	ĐẠO TIỀN ĐẠT	P8	85-86	2	15		77	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	21	18	104	1.690	20	20		
2	P8	1	2	15	77	0	2		
TOTAL		22	20	119	1.767	20	22		
WEIGHT KG				119	1.767	20			

GRAND TOAL: 1.906 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	TO: BK9 - TD3 - BK6	CREW: Hạnh - CHIẾN - Năm	ETA: 09:15
CAM-1			

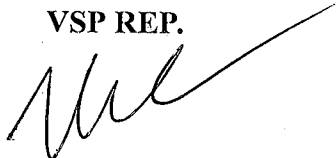
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN TRỌNG	BK9	71	1	11	128	75	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	BK9	74-75	2	15		64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG AN	BK9	72-73	2	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ VĂN TIỆP	BK9	76-77	2	19		74	KH-THAC	Vietnamese
5	DƯƠNG THANH TÙNG	TD3	93	1	5	40	75	KHOAN	Vietnamese
6	SOCHIVETS	TD3	94	1	8		108	KHOAN	Russian
7	SHEVCHENKO D.I	TD3	95	1	5		82	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN VIỆT THẮNG	TD3	83	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN VĂN HAI-PVD	TD3	85	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
10	NG. ĐÌNH NGỌC*CAM-PVDT	TD3	88	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH NHAN	TD3					77	KHOAN	Vietnamese
12	BUI VĂN NGHĨA	TD3	81	1	6		79	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ SỸ HÙNG	TD3	92	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC THÀNH	TD3	84	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	ĐẶNG XUÂN LƯU	TD3	87	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ TRỌNG TUYẾN	TD3	80	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN SƠN HẢI	TD3	86	1	6		83	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM VIỆT DŨNG	TD3	89	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN QUANG HÙNG	TD3	90	1	12		74	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN QUANG	TD3	82	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
21	VŨ TRƯỜNG NAM	TD3	91	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
22	PHẠM VĂN ĐẠM	BK6	47	1	8	8	71	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

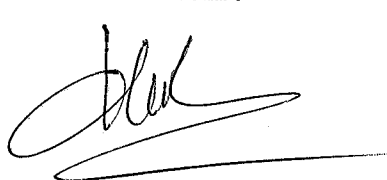
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK9	4	7	55	285	128	0		
2	TD3	17	16	99	1.257	40	17		
3	BK6	1	1	8	71	8	1		
TOTAL		22	24	162	1.613	176	18		
WEIGHT KG				162	1.613	176			

GRAND TOAL: 1.951 KGS

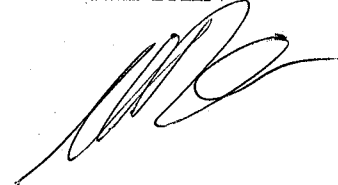
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	TO: TTC1 - P4 - P5	CREW: Cương - TĐông - TDUNG	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN TRỌNG TUỞNG	TTC1	11-12	2	10		82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGÔ HOANG NAM	TTC1	12	1	13	30	75	KH-THAC	Vietnamese
3	HÀ QUANG TRUNG	TTC1	09	1	11		52	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM NGỌC QUY	TTC1	10	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
5	SUDAKOV A.A	P4	74-75	2	20		112	KHI	Russian
6	ZAGUDAIEV V.E	P4	77	1	5		75	KHI	Russian
7	LÊ ĐỨC KHUÔNG	P4	81	1	4		59	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN NĂM	P4	78	1	4		60	KHI	Vietnamese
9	PHẠM QUỐC DUY	P4	84	1	5		60	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN THÀNH TRUNG	P4	87	1	5		67	KHI	Vietnamese
11	TRẦN VĂN PHÚC	P4	76	1	6		68	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	86	1	11		75	KHI	Vietnamese
13	DƯƠNG ĐÌNH HIẾN	P4	83	1	4		66	KHI	Vietnamese
14	HOANG ĐỨC LÂM ANH	P4					80	KHI	Vietnamese
15	LÊ VĂN HOÀN	P4	82	1	2		65	KHI	Vietnamese
16	LÊ VĂN MẠNH	P4					58	KHI	Vietnamese
17	VŨ NGỌC TUẤN	P4	85	1	4		82	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	90	1	3		74	KHI	Vietnamese
19	TRƯƠNG THANH GIÁP	P4	79	1	5		77	KHI	Vietnamese
20	ĐOÀN THANH CÔNG	P4	80	1	6		72	KHI	Vietnamese
21	HOANG VĂN TRUNG	P4	88-89	2	11		66	YTE	Vietnamese
22	VŨ NGỌC QUANG	P4	91	1	4		80	DNV-GL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	4	5	41	284	30	0		
2	P4	18	18	99	1.296	0	16		
3	P5	0	0	0	0	0	6		
TOTAL		22	23	140	1.580	30	22		
WEIGHT KG				140	1.580	30			

GRAND TOAL: 1.750 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/12/2020	TO: TD1 - CLO	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Phong - Dương - MQUÂN	ETA: 11:10
XANH - 2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOÀNG ĐỨC HAI	TD1	75	1	11		66	CODIEN	Vietnamese
2	NGO KIM NGHIỆP	TD1	81	1	12		83	CODIEN	Vietnamese
3	LE XUAN TUNG	TD1	79	1	5	43	68	ANTOAN	Vietnamese
4	VU HOANG TAN	TD1	85-86	2	17		95	DVL	Vietnamese
5	HOANG MINH DUNG	TD1	76-77	2	17		80	DVL	Vietnamese
6	NGUYEN ĐỨC PHỤNG	TD1	87-88	2	17		67	DVL	Vietnamese
7	DANG VAN CHUNG	TD1	72	1	5		65	DVL	Vietnamese
8	NGUYEN DAI NGHIA	TD1	80	1	11		50	COKHI	Vietnamese
9	LE VAN NGOC	TD1	71	1	5		75	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN TAT LỘC	TD1	78	1	5		56	PSV	Vietnamese
11	VOROBIEV S.L	CLO	60	1	4		100	KHOAN	Russian
12	BUI ĐỨC LUAN	CLO	31	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
13	HOANG VAN TRUNG	CLO	19	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN DUY NAM	CLO	33	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
15	VU MINH TU	CLO	29-30	2	5		74	KHOAN	Vietnamese
16	ĐAU VAN MINH	CLO	34	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
17	TRAN QUANG HUY	CLO	18	1	5	15	71	KHOAN	Vietnamese
18	PHAN VAN MẠNH-PVD	CLO	32	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN MINH KHOAN	CLO	35-36	2	12		89	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN LAM GIANG	CLO	20-21	2	11		80	KHOAN	Vietnamese
21	NGUYEN VAN TIEN.	CLO	61	1	6		64	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	10	13	105	705	43	4		
2	CLO	11	14	63	834	15	15		
TOTAL		21	27	168	1.539	58	19		
WEIGHT KG				168	1.539	58			

GRAND TOAL: 1.765 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	TO: RC5 - RP3	CREW: Hạnh - ĐNam - QTrưởng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIM NHẬT THÀNH	RC5	70-71	2	19	55	67	CODIEN	Vietnamese
2	ĐẶNG TIẾN TOÀN	RC5	72	1	15		68	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY BAI	RC5	69	1	10		80	CODIEN	Vietnamese
4	VÕ TIẾN PHỤNG	RC5	73	1	6		65	CODIEN	Vietnamese
5	REVIKIN V.N	RP3	81	1	10	60	97	KHI	Russian
6	LÊ NHƯ NGUYỄN	RP3	78	1	9		61	KHI	Vietnamese
7	PHẠM NGỌC HUNG	RP3	79-80	2	16		77	KHI	Vietnamese
8	BUI TRUNG UYÊN	RP3	75	1	6		77	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN VỸ	RP3	70	1	4		69	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN TRUNG	RP3	68	1	4		67	PSV	Vietnamese
11	TRẦN THANH HAI	RP3	67	1	5		61	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY CHINH	RP3	74	1	2		55	PSV	Vietnamese
13	MAI VĂN HUNG	RP3	73	1	6		52	PSV	Vietnamese
14	HA VĂN THUY	RP3	77	1	5		72	KHI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN KỶ	RP3	72	1	4		67	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CƯ	RP3	76	1	5		59	KHI	Vietnamese
17	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	RP3	69	1	5		78	KHI	Vietnamese
18	HOANG VĂN HAI	RP3	71	1	7		65	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	4	5	50	280	55	3		
2	RP3	14	15	88	957	60	14		
TOTAL		18	20	138	1.237	115	17		
WEIGHT KG				138	1.237	115			

GRAND TOAL: 1.490 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	TO: TD3 - RP3	CREW: Vậ - VLin - THỤ	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN NGOC TUAN	TD3	03	1	8		78	CUC ĐKV	Vietnamese
2	VU THE HUNG	TD3	06	1	11		60	KHOAN	Vietnamese
3	LE HUU HAU	TD3	07	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
4	LE QUANG DAO	TD3	02	1	7	75	80	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN VAN DUNG	TD3	05	1	10		66	ANTOAN	Vietnamese
6	DO TIEN DUNG	TD3	11	1	3		55	DVL	Vietnamese
7	TRAN VAN DU	TD3	99	1	2		58	DVL	Vietnamese
8	PHAN THANH TAI	TD3	600	1	7		53	DVL	Vietnamese
9	TRAN VAN GIANG	TD3	12	1	7		67	DVL	Vietnamese
10	CHU DINH THANH	TD3	04	1	5		50	DVL	Vietnamese
11	NGUYEN VAN MINH	TD3	08	1	10		77	T-TIN	Vietnamese
12	DO TAN PHO	TD3	09-10	2	15		70	T-TIN	Vietnamese
13	NGUYEN VAN HANH	RP3	16-17	2	15		53	CODIEN	Vietnamese
14	DO VIET LONG	RP3	14-15	2	18		60	CODIEN	Vietnamese
15	LE NGOC ANH	RP3	18-19	2	9		71	CODIEN	Vietnamese
16	HA MANH HOANG	RP3	13	1	6		69	CODIEN	Vietnamese
17	PHAM QUOC KHANH	RP3					83	KHI	Vietnamese
18	VO DON LONG	RP3	23	1	5		57	KHI	Vietnamese
19	ĐANG HUY KHANH	RP3	24	1	3	21	74	KHI	Vietnamese
20	NGO NGOC HAN	RP3	25	1	6		60	KHI	Vietnamese
21	LE THANH HAI	RP3	21-22	2	7		61	PSV	Vietnamese
22	LE QUANG DAO	RP3	20	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	12	13	91	784	75	3		
2	RP3	10	13	74	648	21	14		
TOTAL		22	26	165	1.432	96	17		
WEIGHT KG				165	1.432	96			

GRAND TOAL: 1.693 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/12/2020	TO: P2 - BK5 - BK4	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Phong - Duong - Huy	ETA: 13:10
TRANG-3			

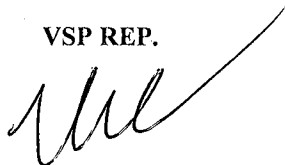
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRUONG ANH TU	P2	81	1	6	20	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN HIEU	P2	74	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO HUU HUY TU	P2	67	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN KY TUAN	P2	70	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
5	LE DUC TOAN	P2	80	1	7		83	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG DIEN	P2	76	1	4		62	D-HANH	Vietnamese
7	NGUYEN TRUONG TUNG	P2	77	1	9		68	D-HANH	Vietnamese
8	NGUYEN HUU VAN	P2	68	1	6		75	D-HANH	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC ANH TUAN	P2	82	1	4	28	75	D-HANH	Vietnamese
10	BUI NGOC DUNG	P2	71	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN THANH SON	P2	65	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN VAN TUNG	P2	79	1	2		63	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN THE HUNG	P2	72	1	3		74	KHI	Vietnamese
14	TRINH QUOC THANH	P2	87	1	8		93	KHI	Vietnamese
15	LE THANH TRUNG	P2	83	1	2		64	KHI	Vietnamese
16	NGO SY THANH	P2	78	1	5		90	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN ANH TU	P2	73	1	10		75	KHI	Vietnamese
18	DOAN MANH TOAN	P2					90	KHI	Vietnamese
19	TRUONG HAI HA	P2	75	1	4		70	KHI	Vietnamese
20	NGO KIM LAM	BK5	31-32	2	19	50	75	CODIEN	Vietnamese
21	LE NGOC HIEP	BK5	29-30	2	10		77	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYEN HUU NGHIEM	BK5	28	1	5		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

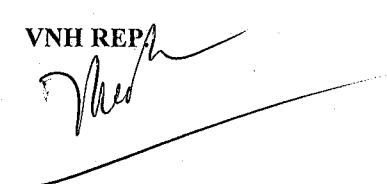
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	19	18	97	1.371	48	18		CHUYEN 3 PAX BK5 SANG BK4
2	BK5	3	5	34	210	50	1+3		
3	BK4	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	23	131	1.581	98	19		
WEIGHT KG				131	1.581	98			

GRAND TOAL: 1.810 KGS

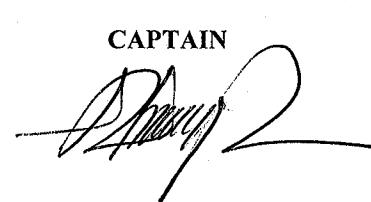
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 11:35
FLIGHT: 9	TO: CTK3 - P2	CREW: Hạnh - ĐNam - QTrưởng	ETA: 13:15
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	CTK3	49-50	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH QUANG TRƯỞNG	CTK3	62	1	5		56	PVD	Vietnamese
3	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	CTK3	53	1	10		73	PVD	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH TÚ	CTK3	52	1	10		64	PVD	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐIẾP	CTK3	59	1	11	40	57	PVD	Vietnamese
6	NGUYỄN TUẤN VIỆT	CTK3	51	1	5		78	VIRE	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH TÙNG	CTK3	47-48	2	9		66	HLHV	Vietnamese
8	NGUYỄN TRI TÍN	CTK3	63-65	3	15		80	D-HANH	Vietnamese
9	PHẠM ANH TUẤN	CTK3	54-55	2	12		63	KH-THAC	Vietnamese
10	LƯU HỮU HÀ	CTK3	58	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ XUÂN TUẤN	CTK3	56-57	2	9		61	KH-THAC	Vietnamese
12	VI ĐỨC TÚ	P2	17	1	5		63	KHI	Vietnamese
13	VÕ VĂN GIANG	P2	18	1	5		63	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN MỘNG LONG	P2	15	1	20		70	KHI	Vietnamese
15	ĐOÀN VĂN QUÂN	P2	16	1	12		70	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN TÂN HAI	P2	19	1	4		65	NIPI	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG TÂN	P2	66	1	5		61	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN ĐẠI	P2	22	1	7		71	PSV	Vietnamese
19	LÊ XUÂN ĐAM	P2	21	1	2		63	PSV	Vietnamese
20	PHAN DỤC THUAN	P2	23	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN TRỌNG THỊNH	P2	24	1	5		75	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN MẠNH TIẾN	P2	20	1	4		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	11	17	101	739	40	8		
2	P2	11	11	74	738	0	14		
TOTAL		22	28	175	1.477	40	22		
WEIGHT KG				175	1.477	40			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 15/12/2020	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:40
FLIGHT: 10	TO: PVD2 - P4	CREW: Vận - NPhú - Toàn	ETA: 13:20
CAM - 3			

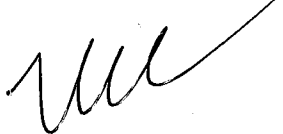
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VIỆT HỒ	PVD2	83	1	15		71	DVL	Vietnamese
2	TRƯƠNG ĐÌNH VỊNH	PVD2	86	1	10		78	DVL	Vietnamese
3	VŨ VĂN TRUNG	PVD2	85	1	14		73	DVL	Vietnamese
4	TRƯƠNG MINH KHÁNH	PVD2	84	1	11		71	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN VŨ ĐÌNH DUY	PVD2	87-88	2	12		70	DVL	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG NAM	P4	01	1	5		66	KHI	Vietnamese
7	LÊ QUANG VINH	P4	02	1	10		70	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN MINH CANG	P4	17	1	5		71	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN TRƯƠNG NHẬT MINH	P4	09	1	10		80	KHI	Vietnamese
10	TRẦN BÌNH ĐỨC	P4	15	1	4		70	KHI	Vietnamese
11	PHẠM LINH TUNG	P4	13	1	4		71	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG LONG	P4	16	1	4		85	KHI	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN HOANG	P4	18-19	2	11		70	KHI	Vietnamese
14	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4	04-05	2	10		70	PSV	Vietnamese
15	TRẦN VĂN NAM	P4	11	1	4		80	PSV	Vietnamese
16	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P4	14	1	4		79	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN LOAN	P4	12	1	5		49	PSV	Vietnamese
18	VŨ VĂN DŨNG	P4	07	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	LƯU ĐÌNH THAI	P4	06	1	4		55	PSV	Vietnamese
20	HOANG NGỌC HOA	P4	10	1	5		70	PSV	Vietnamese
21	ĐOÀN VĂN AI	P4	08	1	6		64	PSV	Vietnamese
22	LÊ ĐẮC NHÀ	P4	03	1	6		61	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

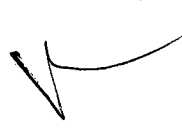
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	5	6	62	363	0	0		
2	P4	17	19	102	1.176	0	12		
TOTAL		22	25	164	1.539	0	12		
WEIGHT KG				164	1.539	0			

GRAND TOAL: 1.703 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

